

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày: 27-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công;

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2018/TLST-HS, ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018, đối với bị cáo:

Phan Hữu T, sinh năm 1997 tại thành phố Cần Thơ; hộ khẩu thường trú: ấp P, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M và bà Dương Thị Kim A; tiền án: không; tiền sự: không; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979, hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; tạm trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Triệu P, sinh năm 1969; nơi cư trú: số 22/23/37/28A, M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1977, nơi cư trú: số 9A/10A, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Phan Hữu T và anh Nguyễn Văn T có mối quan hệ quen biết do cùng quê ở xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Ngày 25 tháng 8 năm 2018, T điện thoại cho anh T nhờ xin việc làm, anh T. Anh T nói Th lên phòng trọ của anh T tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, T điều khiển xe mô tô biển số 65X1-4704 đi từ xã T, huyện C, thành phố cần Thơ đến phòng trọ của anh T và ở tại đây chờ xin việc. Trong thời gian chờ việc, vào lúc 08 giờ ngày 29 tháng 8 năm 2018 anh T và T tổ chức uống rượu tại phòng trọ của anh T. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ, anh T say rượu nên nằm ngủ dưới nền nhà, T trèo lên gác ngủ. Khoảng 30 phút sau, T thức dậy đi xuống thì thấy trên cổ anh T đeo 01 sợi dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T tháo sợi dây chuyền đem giấu vào ống tay cầm xe mô tô của T rồi tiếp tục lên gác ngủ. Đến 16 giờ cùng ngày, anh T thức dậy phát hiện mất sợi dây chuyền nên trình báo Công an xã T lập hồ sơ chuyển Công an huyện B thụ lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 65X1-4704, 01 sợi dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ.

Vật chứng xe mô tô biển số 65X1-4704 do bà Nguyễn Thị Kim N là chủ sở hữu, do xe bị hư hỏng và mất giấy đăng ký nên đầu năm 2018 bà N đã bán cho một người thu mua phế liệu không quen biết. Xe này, T khai mua lại của một người không rõ lai lịch, không làm giấy tờ mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã làm thủ tục đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không có người nhận.

Theo Kết luận định giá tài sản số 80/KL-HĐĐG ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: kết luận sợi dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ trị giá 10.050.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phan Hữu T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng:

- Ngày 30 tháng 9 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại sợi dây chuyền cho bị hại Nguyễn Văn T.

- Xe mô tô biển số 65X1-4704 là phương tiện bị cáo T sử dụng để cất giấu tài sản trộm cắp nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về việc xử lý vật chứng.

Bản Cáo trạng số 34/KSĐT ngày 02 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Phan Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phan Hữu T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Phan Hữu T nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào lúc 13 giờ ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại nhà trọ anh Nguyễn Văn T thuộc ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, Phan Hữu T đã có hành vi lén lút lấy trộm sợi dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ của anh Nguyễn Văn T. Tài sản bị cáo T chiếm đoạt có giá trị 10.050.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo T đã vi phạm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo T có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, thì:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..”

Như vậy, hành vi trộm dây chuyền trị giá 10.050.000 đồng của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

[5] Tại phiên tòa: bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của công dân mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Xét, bị cáo T có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục. Xét thấy, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, bị cáo Thành có khả năng tự cải tạo và việc

cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, cho bị cáo hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo T là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về vật chứng:

Ngày 30 tháng 9 năm 2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại sợi dây chuyền cho anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xe mô tô hai bánh biển số 65X1-4704, số khung RRRWCH1UM7XE07298, số máy VTT22JL1P52FMH007298 là phương tiện bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[12] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 1, 2, 4, 5, 6 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106, các Điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố bị cáo Phan Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phan Hữu T 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao Phan Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước xe mô tô hai bánh biển số 65X1-4704, số khung RKKWCH1UM7XE07298, số máy VTT22JL1P52FMH007298 (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

Bị cáo Phan Hữu T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- UBND xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết